

## ÁP LỰC CỦA PHÊ BÌNH VÀ ĐỀ XUẤT GIẢI PHÁP TIẾP TỤC THÚC ĐẨY SỰ PHÁT TRIỂN PHÊ BÌNH VĂN HỌC HIỆN NAY Ở VIỆT NAM

**Mai Thị Liên Giang**

Trường Đại học Quảng Bình

Email: giangth9@gmail.com

*Ngày nhận bài: 21/10/2019; ngày hoàn thành phản biện: 22/10/2019; ngày duyệt đăng: 02/11/2019*

### TÓM TẮT

Có nhiều yếu tố tác động tạo nên áp lực đối với các nhà phê bình trong quá trình tiếp nhận như văn hóa, xã hội, giai cấp, chính trị, các mối quan hệ cá nhân, phẩm chất đạo đức, trí tuệ, học vấn, phương pháp tiếp cận tác phẩm... nhưng trong lí luận văn học, Mỹ học tiếp nhận đã đưa ra khái niệm tầm đón đợi để giải thích điều này. Bài viết phân tích những vấn đề liên quan đến áp lực của tầm đón đợi trong phê bình, căn cứ vào thực tiễn ở Việt Nam để đề xuất những giải pháp liên quan đến quá trình phát triển nghiên cứu, phê bình văn học nghệ thuật hiện nay.

**Từ khóa:** Phê bình văn học, nghệ thuật, giải pháp, phát triển.

Mỗi tác phẩm văn học, nghệ thuật ra đời như là một đối tác mới của nhà nghiên cứu, phê bình, hay nói rộng hơn là người tiếp nhận. Các tác phẩm mới có giá trị nghệ thuật ẩn chứa trong nó những điều kiện để sẵn sàng tiếp xúc với đời sống phê bình. Chính bản thân các tác phẩm có giá trị thực sự đã tiềm ẩn những khả năng để quá trình tiếp nhận được thực hiện. Tuy vậy, trong thực tế cũng từ một tác phẩm văn học, nghệ thuật hay cũng một nhóm, một trào lưu văn học, nghệ thuật đó nhưng lại có sự tiếp nhận, sự đánh giá không giống nhau đối với những nhà phê bình, những người đọc khác nhau. Sự khác biệt này thể hiện rõ trong diễn trình tiếp nhận các tác phẩm văn học, nghệ thuật nổi tiếng trên thế giới (và cả ở Việt Nam) qua mỗi thời kỳ, ở kiểu dạng người tiếp nhận này và người tiếp nhận khác trong xã hội, cả ở giới tính nam và nữ. Nhà phê bình cũng là một trong những kiểu người đọc có số lượng ít so với các kiểu người đọc khác nhưng rất quan trọng trong quá trình khám phá bản chất đích thực của tác phẩm. Cùng một thể hệ nhưng quan điểm của người tiếp nhận cũng không thống nhất, cùng một người đọc nhưng trải qua thời gian, ý kiến của họ sẽ thay đổi, điều chỉnh khi nhìn nhận, đánh giá một tác phẩm.

## **1. ÁP LỰC CỦA PHÊ BÌNH VĂN HỌC**

Vậy tại sao tác phẩm văn học lại có thể đem lại những sự hiểu, sự cắt nghĩa khác nhau? Nếu xem xét vấn đề này từ hình thức ngôn ngữ đặc trưng của văn học rõ ràng là vẫn không thể lý giải hết mà phải đặt nó trong mối quan hệ từ hình thức đọc đặc trưng, từ tầm đón đợi của chủ thể tiếp nhận. Tầm đón đợi cũng là một trong những áp lực của nhà phê bình khi tiếp xúc với một tác phẩm văn học, nghệ thuật mới. Cụ thể, yếu tố nào đã tạo nên những cách hiểu, cách đánh giá, phê bình khác nhau về tác phẩm? Cái gì đã chi phối những cách cắt nghĩa phong phú và đa dạng về tác phẩm văn học, nghệ thuật như vậy? (Thực tế này cũng đã xảy ra nhiều lần trên thế giới, ở hầu hết các tác phẩm nghệ thuật nổi tiếng, kể cả các tác phẩm nổi tiếng ở lĩnh vực hội họa, âm nhạc, điêu khắc, điện ảnh, sân khấu...). Có nhiều yếu tố tác động và luôn tiềm ẩn khả năng tạo nên áp lực đối với các nhà phê bình trong quá trình tiếp nhận như văn hóa, xã hội, giai cấp, chính trị, các mối quan hệ cá nhân, phẩm chất đạo đức, trí tuệ, học vấn, phương pháp tiếp cận tác phẩm... nhưng trong lí luận văn học, các nhà Tường giải học và Mỹ học tiếp nhận còn đưa ra khái niệm tầm đón đợi để giải thích điều này.

Khái niệm tầm đón đợi văn học (*literarische Erwartungshorizont*) được Hans Robert Jauss [9] đưa ra trong công trình *Lịch sử văn học như là sự khiêu khích đối với khoa học văn học*. Đây là khái niệm có vị trí quan trọng trong toàn bộ hệ thống quan niệm của Hans Robert Jauss tập trung ở hai nội dung chính là tính nghệ thuật và tính lịch sử của văn học. Trong đó tính lịch sử của văn học là vấn đề trọng tâm trong quan điểm của H.R.Jauss cần được các nhà nghiên cứu, phê bình văn học quan tâm trong quá trình tiếp nhận tác phẩm. Để giải thích thuật ngữ tầm đón đợi trong một vài dòng ngắn gọn là điều rất khó. Bởi nó có thể thu hẹp phạm vi mong muốn hoặc đi chệch hướng của các học giả thuộc trường phái tiếp nhận văn học. Tác giả Huỳnh Vân cho rằng “Theo cách hiểu của Jauss, tầm đón đợi là “tầm đón đợi của kinh nghiệm thẩm mỹ” ..., là vốn kiến thức, là sự hiểu biết có sẵn về văn học của người đọc. Hệ quy chiếu của sự đón đợi này bao gồm sự hiểu biết trước về thể loại, hình thức và hệ đề tài của các tác phẩm đã biết trước đó và sự đối lập giữa ngôn ngữ thi ca và ngôn ngữ thực tiễn, tức là bao gồm toàn bộ những yếu tố nằm trong phạm vi của văn học” [10]. Còn theo nhà nghiên cứu Trương Đăng Dung, “Thông thường, một tác phẩm khi xuất hiện hoặc là đáp ứng những đón đợi của công chúng (như thị hiếu, lí tưởng thẩm mỹ, các chuẩn mực giá trị); hoặc là ngược lại, nó đòi hỏi sự thay đổi tầm đón đợi lúc tiếp nhận. Xét từ quan điểm mỹ học tiếp nhận, cái khoảng cách thẩm mỹ ngày càng nhỏ thì tác phẩm càng đạt tới trình độ văn học “gây hứng thú thường thức”. Sự thay đổi thường xuyên tầm đón đợi cho thấy vẫn có thể điều chỉnh một cách cơ bản khoảng cách giữa công chúng tiếp nhận và tác phẩm văn học” [2, tr.151]. Tuy nhiên, ở đây chúng tôi muốn nhấn mạnh vấn đề chính cần lưu tâm của khái niệm là: mỗi người đọc, trước thời điểm đọc tác phẩm, họ đã có sẵn một tầm đón, hay nói cách khác là một ngưỡng tiếp nhận. Đó chính là một hệ quy chiếu thuộc về kinh nghiệm văn học của người tiếp nhận, là tầm hiểu

biết về văn học, là nhu cầu, trình độ thưởng thức kết tinh từ kinh nghiệm sống, hứng thú, quan điểm và lý tưởng thẩm mỹ của người đọc. Từ thuật ngữ này, nhà nghiên cứu Trương Đăng Dung dịch là tầm đón đợi (một số nhà nghiên cứu khác dịch là "tầm đón nhận", "chân trời chờ mong" hay "chân trời chờ đợi", "ngưỡng tiếp nhận"). Trong quan niệm về tầm đón đợi, cần đề cao hơn tính chủ động của người tiếp nhận khi đối diện với văn bản. Ứng dụng trong nghiên cứu, phê bình văn học nghệ thuật, tầm đón đợi thể hiện ở sự hiện diện của một công chúng người tiếp nhận đặc trưng cho mỗi thời kỳ, mỗi thế hệ có vai trò chi phối sự tiếp nhận của những người đọc khác qua thời gian. Bởi một tác phẩm có giá trị thật sự, cho dù có trải qua những thăng trầm như thế nào thì cuối cùng nó vẫn bộc lộ đúng bản chất, ý nghĩa mà nó có. Từ trong lịch sử, điều này đã được khẳng định bởi các hiện tượng văn học lớn. Chẳng hạn Bá Dương, nhà văn hiện đại nổi tiếng của Trung Quốc, từng viết cuốn *Người Trung Quốc xấu xí* gây xôn xao dư luận Trung Quốc hồi thập niên 80. Sau khi ra đời, cuốn sách đã bị cấm lưu hành một thời gian, bởi tác phẩm bị xem như là một tiếng nói bôi nhọ người Trung Quốc, nhưng hiện nay nó đã được đưa vào danh mục cuốn sách tham gia bình chọn mười cuốn sách gây ảnh hưởng nhất đến người Trung Quốc thế kỷ XX do mạng Tân Lãng tổ chức. Hoặc sự khác nhau cơ bản trong tiếp nhận ở giai đoạn trước và sau ở cuốn tiểu thuyết *Fanny* của Feydean và tiểu thuyết *Bà Bovary* của Flaubert, hoặc trường hợp *Hamlet* của William Shakespeare... Ở Việt Nam, thời kỳ đầu của Thơ mới cũng có hiện tượng này, tuy nhiên có điều khác hơn là Thơ mới bị phê phán ở điểm lãng mạn tiêu cực. Vậy liên quan đến vấn đề này, áp lực của nghiên cứu phê bình văn học thể hiện trong thực tiễn như thế nào?

Trong thực tế, đối với những tác phẩm văn học có giá trị thật sự, có khả năng tồn tại vượt thời gian, vượt không gian thì những phát hiện đầu tiên, những quan điểm mới trong nghiên cứu, phê bình không phải lúc nào cũng nhận được sự đồng thuận của tác giả và những người đọc liên quan khác ngay lập tức. Bởi quy luật là chân lý khoa học không dễ tìm được sự đồng hành ngay khi mới xuất hiện. Tuy nhiên, nếu nhà nghiên cứu, phê bình xác định đúng giá trị tác phẩm, tìm ra được chân lý mới trong tác phẩm có ý nghĩa gì đối với con người, thì đó luôn là điều cần thiết và ích lợi cho quá trình phát triển của khoa học văn học và nghệ thuật. Và điều này càng quan trọng hơn, đây thứ thứ thách hơn với những nhà phê bình "không muốn sự bình yên của trí tuệ" [2, tr.155]. Hành trình sống của một tác phẩm thực sự được bắt đầu khi nó được đọc, được xem, được nghe, được nhận diện giá trị. Thông thường, một tác phẩm khi xuất hiện hoặc là đáp ứng những đón đợi của công chúng có liên quan đến các vấn đề như thị hiếu, lý tưởng thẩm mỹ, các chuẩn mực giá trị, hoặc ngược lại, nó đòi hỏi sự thay đổi tầm đón đợi lúc tiếp nhận. Sự thay đổi thường xuyên tầm đón đợi cho thấy có thể điều chỉnh khoảng cách thẩm mỹ giữa người tiếp nhận và tác phẩm. Tác phẩm có giá trị không chỉ đưa đến hình ảnh về sự tồn tại xã hội của một thời đại nhất định, mà còn tác động trở lại xã hội nữa. Ấn tượng thẩm mỹ xuất hiện ở tầm đón đợi của người

*Áp lực của phê bình và đề xuất giải pháp tiếp tục thúc đẩy sự phát triển phê bình văn học hiện nay ...*

đọc, can thiệp đến cái nhìn thế giới và thái độ sống của anh ta. Tác phẩm có ảnh hưởng nhiều đến người tiếp nhận nhất là khi ẩn chứa khả năng khơi dậy được ý thức phê bình mới mẻ trong người đọc, liên quan đến các mã kí hiệu ngôn ngữ và tầm đón đợi riêng của người tiếp nhận. Tác phẩm văn học, nghệ thuật có giá trị bền vững qua mọi thời gian, mọi không gian, khi mới ra đời thường có khả năng tác động lớn đến cách nhìn và chuẩn mực đánh giá cũ của người tiếp nhận, hướng người tiếp nhận tiếp xúc với những mã kí hiệu mới trong quá trình tiếp nhận. Mặt khác, trong quá trình nghiên cứu, phê bình, tính chất cộng đồng, sự diễn giải cộng đồng luôn gắn bó mật thiết với các hiện tượng văn học. Bản chất của sự diễn giải là quá trình bất tận, là cuộc chiến chiến chiếm hữu và loại bỏ các giá trị. Chính vì vậy, ý kiến của các nhà phê bình thực sự càng quan trọng trong quá trình diễn giải của cộng đồng người đọc đó. Hơn nữa, nghiên cứu phê bình luôn bị chi phối bởi một tập hợp các quy chuẩn thẩm mỹ, nó có thể và cần được điều chỉnh tùy theo tính chất đặc thù của chủ thể tiếp nhận qua mỗi thời kì, mỗi vùng miền, mỗi người đọc cụ thể. Khó có thể nhận diện đúng giá trị của một tác phẩm văn học, nghệ thuật mới với giới hạn của tầm đón đợi cũ ở nhà phê bình.

Ngoài ra các vấn đề trên còn có một yếu tố đầy uy lực đứng sau quá trình phê bình, đó là tác động tư duy truyền thống của dân tộc. Ai cũng cần truyền thống để đến với hiện đại, ai cũng đang ở trong truyền thống dù có không hiểu về truyền thống là như thế nào. Truyền thống không giống như chiếc áo khoác của chúng ta, mà giống như da chúng ta. Chúng ta biết rõ về nó nhưng không thể thoát ra khỏi bộ da của mình. Thậm chí truyền thống luôn bám theo nhà phê bình trong quá trình đọc tác phẩm. Ở tầng sâu lắng nhất của tính lịch sử là sự có mặt của truyền thống. Truyền thống chỉ có ý nghĩa nếu được sử dụng cập nhật, tức là nó cần các yếu tố để hòa nhập với hiện tại, nếu không truyền thống chỉ là kỷ niệm chết. Truyền thống lịch sử và phê bình văn học, nghệ thuật là hai hiện tượng gắn bó chặt chẽ với nhau. Nhiệm vụ của nhà phê bình trong quá trình cắt nghĩa văn bản là phải tìm được truyền thống, thậm chí phải thấy được yếu tố kế thừa của truyền thống là gì. Không nên hiểu truyền thống là cái thông điệp đạo đức xã hội được đúc kết nào đó, không nên đồng nhất truyền thống với tác dụng giáo dục của tác phẩm. Truyền thống vô ý thức hơn, nó cần những giây phút trầm lặng nghiêm túc của nhà phê bình, chứ không phải cứ có tác phẩm mới nào ra đời là vội rộn ràng bình tán sôi nổi vì những mục đích khác ngoài mục đích khoa học và nghệ thuật, trong một thời gian ngắn, để rồi tác phẩm bị quên lãng vì có giá trị thật sự. Khó để giải mã hết giá trị của tác phẩm mới nếu chỉ dựa vào tầm đón đợi truyền thống.

Trước thực trạng phát triển của văn học Việt Nam hiện nay, nhà phê bình không nên chỉ quan tâm đến những tác phẩm lớn, nổi bật. Họ cần có trách nhiệm giúp các thế hệ sau cảm nhận được quá trình phát triển của văn học nước nhà trong mối tương quan với văn học các nước. Mọi thành công hay thất bại của các nỗ lực trong

sáng tác hay phê bình đều có giá trị ở điểm giao nhau, có khả năng hòa trộn với nhau, giúp chúng ta nhìn thấy rõ sự liên tục, gắn kết trong quá trình phát triển của văn học, nghệ thuật. Vì vậy, phê bình cần có cái nhìn toàn cảnh về quá trình phát triển của văn học Việt Nam. Trong quá trình đó, nếu chỉ dừng lại ở việc đề cao tính nội tại của văn bản nghệ thuật thì đời sống văn học nghệ thuật sẽ nảy sinh những giới hạn mới, nhưng nếu chỉ bằng lòng với các yếu tố tiểu sử, tư tưởng, nội dung tác phẩm, xem tác phẩm là phát ngôn tư tưởng thuần túy của nhà văn theo kiểu suy diễn thô thiển thì cũng gây ra những hậu quả đáng tiếc. Chính vì vậy, nhà phê bình phải xem tác phẩm như là những cấu trúc kí hiệu đang chờ được giải mã khó có lần cuối.

Phê bình cần có sự chính xác của khoa học, nhưng trong nghiên cứu phê bình, khả năng để đạt được tính chính xác của khoa học đôi khi không phụ thuộc vào các phương pháp khoa học. Mỗi tác phẩm có tính độc lập tương đối, tính đặc sắc riêng biệt, liên hệ phức tạp với trực giác của mỗi người tiếp nhận. Sự chứng giải bằng các phương pháp khoa học đôi khi làm mất đi tính riêng biệt của tác phẩm và giảm giá trị cảm xúc trực giác của người tiếp nhận. Bên cạnh đó, đôi khi phương pháp phê bình được sử dụng thô thiển, thường đánh đồng mọi giá trị với nhau cho nên trong thực tế có thể làm cho các tiêu chuẩn giá trị tác phẩm trở nên không còn ý nghĩa. Tác phẩm có giá trị đối với nhà phê bình này nên nó được đọc một cách tích cực nhưng có thể không có giá trị so với nhà phê bình khác nên cùng tác phẩm đó nhưng không được đọc. Nếu nhà phê bình chỉ đánh giá độc đoán hoặc chỉ phê bình theo ấn tượng chủ quan có thể sẽ dẫn đến những giới hạn khác. Chẳng hạn, Hoài Thanh là nhà phê bình ấn tượng có nhiều đóng góp trong nghiên cứu Thơ mới ở Việt Nam, nhưng không phải tất cả những đánh giá, những “ca ngợi” của ông đều đúng với các tác phẩm. Đối tượng của nhà phê bình, phải là một tác phẩm có tính độc lập tương đối, không lệ thuộc vào cảm xúc của nhà phê bình nhưng ngược lại chỉ trong quá trình đọc thì những phẩm chất giá trị mới xuất hiện. Trong thực tế, chúng ta chỉ phê bình, đánh giá được giá trị tác phẩm sau khi đã đọc nó và có thể xem xét trong mối liên hệ với những kết quả đọc của các nhà phê bình khác. Thậm chí, trong cùng một thời điểm để viết một bài báo đưa ra ý kiến đánh giá về tác phẩm, người đọc cũng mâu thuẫn với chính họ. Thực tế này có cả ở những nhà phê bình nổi tiếng. Ví dụ trường hợp Hoài Thanh, từ những nhận định mang cá tính riêng của một nhà phê bình, ông được xem là hiện tượng thành công đột xuất trong nghiên cứu, phê bình Thơ mới. Mặc dù vẫn còn nhiều vấn đề về giá trị nghệ thuật của Thơ mới chưa được tác giả nói hết nhưng *Thi nhân Việt Nam* vẫn được xem là công trình tiêu biểu nhất theo phương pháp phê bình ấn tượng. Thực ra trong hoàn cảnh những cuộc đấu tranh giữa thơ cũ và thơ mới xảy ra khá kịch liệt như vậy, chỉ cần cẩn thận thu thập, hệ thống những bài thơ hay như ở phần sau của công trình này cũng là một việc làm đáng trân quý rồi. Tuy nhiên chỉ với ấn tượng chủ quan, nhà phê bình không đủ sức bao quát hết những vấn đề lớn của sáng tác văn học, nó có thể dẫn tư duy văn học đến với gần với việc trình giải kinh nghiệm theo chủ nghĩa chủ quan.



*Áp lực của phê bình và đề xuất giải pháp tiếp tục thúc đẩy sự phát triển phê bình văn học hiện nay ...*

Tất cả những đánh giá về Thơ mới nếu bao hàm một quá trình kinh nghiệm tất yếu sẽ dẫn đến những đề cao hoặc hạ thấp giá trị văn học quá mức. Nói như John Dewey về kinh nghiệm trong nghệ thuật, ông đã kịch liệt phê phán thuyết tách rời giữa kinh nghiệm thẩm mỹ và kinh nghiệm đời sống. Theo ông như vậy sẽ "làm cho nghệ thuật siêu thoát...xem nghệ thuật quá cao siêu, đáng cho mọi người kính bái...là loại nghệ thuật đưa vào viện bác cổ và kết quả là hạ thấp cái đẹp chân chính" [Dẫn theo tài liệu số 7, tr.75]. Hoài Thanh đã đánh giá đúng: "vườn thơ của người - Hàn Mặc Tử - rộng rinh không bờ bến, càng đi xa càng ớn lạnh" [5, tr.179]. Nhưng ông còn nói rằng "Tôi nghe những người ca tụng Hàn Mặc Tử. Trong ý họ, thi ca Việt Nam chỉ có Hàn Mặc Tử. Bao nhiêu thơ Hàn Mặc Tử làm ra họ đều chép lại và thuộc hết...Bài thơ đã biến thành bài kinh và người thơ đã trở nên một vị giáo chủ" [5, tr.179]. Những đánh giá theo kiểu chủ quan như thế này thường không có căn cứ xác thực. Mặc dù trong ý thức, Hoài Thanh muốn đề cao thơ Hàn Mặc Tử, nhưng thực chất lời bình đã làm giảm giá trị Thơ mới. Nếu theo cách đánh giá chủ quan này, thơ Hàn Mặc Tử chỉ có giá trị như một bài kinh, còn tác giả chỉ là một vị giáo chủ. Như vậy phải chăng cách nhận định này đã hạn định giá trị ý nghĩa của Thơ mới? Nhìn chung trong đánh giá về mỗi nhà thơ, Hoài Thanh đều có xu hướng ca ngợi kiểu như vậy. Mặt khác "Thị hiếu thẩm mỹ của Hoài Thanh chỉ dừng lại thẩm mỹ lãng mạn mà chưa vượt sang được tượng tượng và siêu thực như chính bản thân Thơ mới. Vì vậy, một mặt ông đưa vào *Thi nhân Việt Nam* rất nhiều những nhà thơ lãng mạn bàn nhì, bàn ba, mặt khác sập cửa trước mũi các thi tài tượng trưng lớn như Đinh Hùng, Phạm Văn Hạnh, Nguyễn Xuân Sanh. Và chính ông, Hoài Thanh cũng nhiều lần thừa nhận mình không tìm được lối vào cổng chính của thơ Bích Khê, Chế Lan Viên, Hàn Mặc Tử, bởi không thấy nó hay" [6, tr.89]. Tuy vậy, *Thi nhân Việt Nam* vẫn được xem là một công trình nghiên cứu, phê bình xứng đáng cho các thế hệ phê bình sau học tập. Vậy vì sao bằng lối phê bình Ấn tượng, Hoài Thanh vẫn chiếm được lòng mến mộ của người đọc, vẫn đứng vững cho đến nay? Có lẽ bởi ấn tượng ở Hoài Thanh không chỉ dừng lại ở trực giác, ở những phán đoán tức thì mà còn gắn với sự tinh tường và lịch lãm của một người đọc và quan trọng hơn là nữa là phê bình văn học của ông gắn với tư tưởng triết học, với các hệ tư tưởng và chân lý bền vững của các tôn giáo. Hoài Thanh là một nhà phê bình văn học không chỉ có khả năng phát hiện tác phẩm văn học mà còn giúp tác phẩm sống đời sống của cái đẹp một cách mãnh liệt và tinh tế trong lòng dân tộc. Có thể xem đây là minh chứng sống động nhất về vai trò to lớn của phê bình văn học, nghệ thuật trong tiến trình lịch sử văn học dân tộc. Tuy nhiên xét về sự đa dạng của các trường phái phê bình văn học thì Hoài Thanh cũng chỉ là đại diện của một kiểu phê bình văn học mà thôi. Ngay chính Hoài Thanh cũng đã tự mâu thuẫn trong quá trình đánh giá Thơ mới. Sau 1945, đã có lúc ông phủ nhận những ý kiến của mình trong *Thi nhân Việt Nam*. Tình hình này cũng xảy ra tương tự với thực tiễn nghiên cứu phê bình văn học ở Việt Nam đối với một số tác phẩm của Hàn Mặc Tử, Vũ Trọng Phụng, Nguyễn Huy Thiệp, Hoàng Cầm và gần đây là Nguyễn Du, Nguyễn Trãi, Nguyễn Ngọc Tú...

Thực chất thì đối với phần lớn tác phẩm nghệ thuật thực sự, giá trị cơ bản là nó để lại gì?. Nhưng tìm thước đo sự thật này ở đâu? Ý kiến của nhiều khoa học thậm chí cả ý kiến của các nhà tâm lý học, các bác sĩ thần kinh, kể cả phân tâm học cũng không giải quyết được gì nhiều lắm. Lâu nay ở Việt Nam, thường dùng thuật ngữ phê bình văn học, nghệ thuật đi liền nhau. Thực trạng này có thể tạo ra mấy xu hướng:

- Chú ý phê bình văn học hơn các loại hình nghệ thuật khác nên dẫu sao so với các loại hình nghệ thuật khác thì số lượng các công trình phê bình văn học vẫn nhiều hơn. Trong khi đó, theo quy luật phát triển nghệ thuật nói chung, đối với một đất nước đang phát triển, thì sự so sánh, tổng hợp thành tựu sáng tác và cả nghiên cứu phê bình tác phẩm nghệ thuật ở tất cả các loại hình xem ra dễ hội nhập với quá trình phát triển của thế giới hơn.

- Nhằm lẫn khái niệm phê bình văn học và nghiên cứu văn học, nghệ thuật. Thực chất là hai lĩnh vực nghiên cứu có phạm vi, đối tượng có liên quan nhau nhưng không giống nhau.

- Thuật ngữ phê bình văn học, nghệ thuật có ảnh hưởng đến tâm lý của người sáng tác theo kiểu “ai sống trên lưng nhà thơ”. Ở những đất nước phát triển, khoa học văn học được xem có phát triển hay không thường được xem xét ở tất cả các lĩnh vực liên quan như: *Sáng tác văn học, Phê bình văn học, Lí luận văn học* (Trong đó có nghiên cứu điều kiện tồn tại của tác phẩm văn học như sự ra đời và điều kiện ra đời của tác phẩm, quy luật thuộc về cấu trúc, cấu trúc bên trong tác phẩm, gồm tư tưởng, nghệ thuật, hành động, cốt truyện, mâu thuẫn, tính cách); *Nghiên cứu hệ thống logic cùng những vấn đề phương pháp luận của khoa học văn học và các lĩnh vực khác* nữa như *Lịch sử văn học, Thư mục văn học, Thị trường văn học...* Tác phẩm có sống được qua thời gian, không gian hay không không là nhờ vào quá trình tiếp nhận, nhờ vào quá trình nỗ lực nâng cao tầm đón đợi của người đọc. Tuy nhiên, ở Việt Nam, tâm lý của người sáng tác và phê bình thường có mấy xu hướng sau:

a. Đối với người sáng tác: Sợ và ngại/không thích chữ “phê bình” vì ngay bản thân từ phê bình theo tâm lý người Việt chỉ để nói những điều chưa tốt. Nó chỉ xuất hiện nhiều lần trong các cuộc họp chi bộ, đảng ủy hoặc trong họp tổng kết cơ quan...Phê bình hiểu theo nghĩa này là kiểm điểm hoặc bị chê. Tâm lý này thường có đối với người sáng tác. Nhưng biểu hiện tâm lý này không phải là bản chất của sáng tác, không phải là bản chất của nghiên cứu, phê bình văn học và càng không phải là phương thức tồn tại của tác phẩm văn học, nghệ thuật.

b. Đối với nhà nghiên cứu: nhầm lẫn khái niệm phê bình và nghiên cứu, phê bình hoặc cố tình nhầm lẫn nên khi đánh giá tác phẩm thường chỉ khen một chiều hoặc chê một chiều tùy theo tầm đón đợi của mỗi người tiếp nhận nên hậu quả hoặc là tăng bốc, quảng cáo tác giả hết mức, hoặc chê tác giả đến tận cùng khiến họ nhụt chí tới mức không muốn viết tiếp. Trong khi đó, quy luật của sáng tác hoàn toàn khác với quy